

# **ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

- Tên ngành đào tạo: **Kế toán**
- Mã số: **52340301**
- Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Kinh tế Nghệ An**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**

## **PHẦN 1 SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

### **1. Vài nét về cơ sở đào tạo.**

Trường đại học Kinh tế Nghệ An (tiền thân là trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An) là trường Đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, có trụ sở chính tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trường được thành lập từ năm 1960, năm 2005 trường được nâng cấp thành trường Cao đẳng, đến tháng 1 năm 2014 được nâng cấp thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An theo Quyết định số 205/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Trải qua 54 năm xây dựng và phát triển, hoạt động đào tạo của nhà trường đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khẳng định được vị thế của trường trong xã hội, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Căn cứ Đề án thành lập trường, Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế Nghệ An đến năm 2018 và các quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011. Trường Đại học Kinh tế Nghệ An lập Đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kế toán trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

### **2. Kết quả khảo sát thực tế về nguồn nhân lực trình độ đại học của ngành kế toán đối với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung bộ.**

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An có trụ sở chính tại phường Hà Huy Tập, cơ sở 2 tại xã Nghi Kim thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là Trung tâm kinh tế-văn hóa của vùng Bắc Trung Bộ, là thành phố đã được quy hoạch đồng bộ và đang trên đà phát triển. Vùng Bắc Trung bộ gồm 6 tỉnh: Thanh hóa, Nghệ An,

Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Nơi đây tập trung nhiều khu kinh tế lớn như : Khu kinh tế Nghi Sơn, Vũng Áng, khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Khu công nghiệp Hoàng Mai, Khu công nghiệp Đông Hải, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy làm trung điểm hợp tác kinh tế với Lào và Thái Lan.

Hơn nữa, trong những năm qua các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNN&V) ở Nghệ An có tốc độ tăng bình quân hàng năm từ 1,5 đến 2 lần so với trước khi chưa có Luật doanh nghiệp. Trong 8 năm (1991-1999) chỉ có 328 doanh nghiệp đăng kí thành lập. Đầu năm 2000 Luật Doanh nghiệp bắt đầu có hiệu lực thì trong 5 năm (2000- 2005) có tới 2788 doanh nghiệp thành lập mới. Đến nay, trong toàn tỉnh có trên 3000 DNN&V trong đó trên 96% các doanh nghiệp đang hoạt động. Tiềm năng kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ và Nghệ An là như vậy, nhưng đây là vùng đất còn nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có đội ngũ cán bộ kế toán chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tế sản xuất, kinh doanh; Đánh giá sai tình hình tài chính được phản ánh qua những con số kế toán. Đa đa số các doanh nghiệp chưa quan tâm đúng mức tới công cụ quản lý kế toán. Vẫn còn rất nhiều doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán rất lỏng lẻo và hời hợt. Chính vì vậy mà hầu hết các thông tin báo cáo cho các cơ quan quản lý là những thông tin “ảo”, gây nghi ngờ cho các nhà đầu tư. Một cơ chế mới về công khai thông tin sẽ đòi hỏi các doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn tới việc xây dựng một bộ máy quản lý trong sạch, vững mạnh. Khi đó các thông tin kế toán sẽ đáng tin cậy hơn và nhà đầu tư cũng yên tâm hơn khi bỏ vốn đầu tư.

Việt Nam đã đạt được những bước tiến dài trên con đường ra nhập WTO. Nhưng đối với tỉnh Nghệ An thì đang còn rất thấp, để Nghệ An có cơ hội được tiếp nhận nhiều hơn các nguồn vốn đầu tư từ các công ty, tập đoàn danh tiếng trên thế giới. Lúc này, kế toán trở thành một công cụ quản lý đắc lực và hữu hiệu mà bất cứ một doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm. Việc đòi hỏi những thông tin tài chính minh bạch, những số liệu kế toán “sạch” để thu hút niềm tin nơi nhà đầu tư. Đây chính là tiền đề cho việc phải tiếp tục khuyến khích mở rộng, phát triển đào tạo chuyên ngành kế toán – kiểm toán để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và khu vực.

### **3. Khoa trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành kế toán.**

Khoa trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành kế toán là Khoa Kế toán - Phân tích.

- Khoa Kế toán - Phân tích có 2 bộ môn:
  - + Bộ môn Kế toán.
  - + Bộ môn Thống kê - Phân tích.
- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của khoa có 34 người, trong đó:

- + Tiến sỹ: 01 người (chiếm 2,9%).
- + Thạc sỹ: 14 người( chiếm 41,2%).
- + Đại học: 16 người(chiếm 47,1%).
- + Nghiên cứu sinh: 1 người( chiếm 2,9%).
- + Cao học: 2 người (chiếm 5,9%).
- Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng của khoa có 4 người, trong đó:
  - + Tiến sỹ: 02 người
  - + Thạc sỹ: 02 người

#### **4. Lý do đăng ký mở ngành đào tạo Kế toán trình độ Đại học .**

- Căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực trình độ đại học ngành kế toán, để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn cao, có khả năng làm việc tập thể, có khả năng hợp tác, có sức khỏe và thái độ lao động nghiêm túc và đạo đức nghề nghiệp cho của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung bộ.

- Căn cứ vào đề án nâng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Nghệ An thành trường Đại học Kinh tế Nghệ An đã được phê duyệt theo Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, căn cứ vào dự kiến qui mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo trong giai đoạn 2014-2018, nhà trường sẽ tổ chức đào tạo trình độ đại học ở 04 chuyên ngành kinh tế : Kế toán - Kiểm toán, Tài chính - Thuế, Quản trị kinh doanh, Ngân hàng – Bảo hiểm . Đây là những chuyên ngành nhà trường đang đào tạo ở bậc Cao đẳng hệ chính quy và đã nhiều năm liên kết với trường Đại học Tài chính Hà Nội (nay là Học viện Tài chính), trường Đại học Thương mại và Đại học Huế đào tạo ở trình độ đại học. Như vậy, với 4 chuyên ngành này nhà trường đã và sẽ có đủ chương trình, giáo trình và kinh nghiệm giảng dạy ở bậc đại học.

- Là một nguồn đầu vào quan trọng cho đào tạo sau đại học sau này của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An và của các trường đại học khác về chuyên ngành kế toán .

Với những căn cứ nói trên, việc mở ngành đào tạo kế toán là khách quan và cần thiết.

## PHẦN 2

### NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

#### 1. Đội ngũ giảng viên.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong trường là 207 người, trong đó số cán bộ giảng dạy là 167 người, cán bộ quản lý và phục vụ là 40 người. Có 07 tiến sĩ, 91 thạc sĩ, 69 đại học; 20 người đang học cao học và 18 nghiên cứu sinh (có 04 người sẽ bảo vệ tiến sĩ trong năm 2014).

- Đội ngũ giảng viên:

+ Có 59 giảng viên thuộc khoa Cơ sở Cơ bản và khoa Lý luận chính trị, trong đó có 01 trình độ tiến sĩ, 35 trình độ thạc sĩ đủ trình độ giảng dạy phần kiến thức giáo dục đại cương.

+ Khoa Kế toán phân tích có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy 100% khối lượng của chương trình đào tạo, trong đó có 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 27 giảng viên có trình độ thạc sĩ chuyên ngành kế toán, kiểm toán, còn lại là trình độ đại học.

Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần của ngành kế toán, chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp. (Chi tiết tại bảng 1).

**Bảng 1: Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/học phần ngành Kế toán**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học, số tín chỉ dự kiến
1	Dương Xuân Thao SN 1961		Tiến sĩ, 1996 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán Phân tích	Nguyên lý kế toán
2	Đoàn Tiến Dũng SN 1961, Trưởng khoa KT-PT		Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	Kinh tế	Phân tích HĐKD
3	Lê Thị Yến SN 1963, Phó trưởng khoa KT-PT		Đại học, 1986 Việt Nam	Kinh tế, Tài chính Tín dụng	Thực hành kế toán tài chính

4	Ngô Thị Thanh Hoàn SN 1964, Phó trưởng khoa KT - PT kiêm Trưởng bộ môn Kế toán		Thạc sỹ, 2002 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán phân tích	Kế toán tài chính 1
5	Hoàng Thị Lộc SN 1976, Trưởng bộ môn Thống kê – Phân tích		Thạc sỹ, 2010 Việt Nam	Kinh tế, Kinh tế NN	Thống kê doanh nghiệp
6	Nguyễn Thị Xuân SN 1975		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán Kiểm toán	Kế toán công
7	Phan Thanh Hà SN 1977		Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán phân tích	Kiểm toán báo cáo tài chính
8	Phạm Nguyệt Thương SN 1979		Thạc sỹ, 2008 Việt Nam	Kinh tế, Kinh tế NN	Kế toán quản trị
9	Hoàng Thị Hiền SN 1981		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Kế toán Kiểm toán	Lý thuyết kiểm toán
10	Trần Cẩm Vân SN 1983		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kế toán	Kế toán máy
11	Nguyễn Thị Phương Thảo SN 1983		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	Kinh tế, Thống kê kinh tế	Nguyên lý thống kê
12	Ngô Thị Thương Huyền SN 1986		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kế toán	Kế toán ngân hàng thương mại
13	Nguyễn Thanh Vân, SN 1987		Thạc sỹ, 2014 Việt Nam	Kinh doanh & quản lý, Kế toán	Kế toán tài chính 2
14	Võ Thúy Hằng SN 1987		Thạc sỹ, 2014 Việt Nam	Kinh doanh & quản lý, Kế toán	Kế toán tài chính 3
15	Nguyễn Thị Ngọc Dung SN 1959, Quyền Trưởng khoa QTKD		Thạc sỹ, 2005 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế vi mô

16	Đặng Thị Thảo SN1980, phó khoa QTKD		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kinh doanh & quản lý, QTKD	Quản trị học đại cương
17	Lê Thị Xuân SN 1977, Trưởng bộ môn kinh tế		Thạc sỹ, 2006 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế vĩ mô
18	Nguyễn Lan Anh SN 1983, phó bộ môn Quản trị kinh doanh		Thạc sỹ, 2010 Việt Nam	QTKD	Văn hoá kinh doanh
19	Hồ Thị Hiền SN 1981, Phó bộ môn kinh tế		Thạc sỹ, 2013 Việt Nam	Kinh tế	Kinh tế phát triển
20	Hồ Thị Hoàng Lương SN 1983		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	QTKD	Nghiệp vụ kinh doanh XNK
21	Hoàng Thị Thúy Hằng SN 1984		Thạc sỹ, 2011 Việt Nam	QTKD	Marketing căn bản
22	Ngô Văn Chung SN 1983		Thạc sỹ, 2012 Philippin	QTKD	Kinh tế lượng
23	Nguyễn Thị Lan SN 1962, Trưởng Bộ môn Lý luận chính trị		Tiến sỹ, 2008, Việt Nam	Chính trị học	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
24	Nguyễn Thị Mai Anh SN1965, Phó Bộ môn Lý luận chính trị		Thạc sỹ, 2003, Việt Nam	Chính trị học	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1
25	Trần Thị Bình SN 1977		Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Triết học	Lịch sử học thuyết kinh tế
26	Nguyễn Thị Tùng SN 1978		Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2
27	Nguyễn Quốc Sơn SN 1978		Thạc sỹ, 2011, Việt Nam	Chính trị học	Tư tưởng Hồ Chí Minh

28	Nguyễn Khánh Ly SN 1983		Thạc sỹ, 2009, Việt Nam	GDH, LL và PPDH GD chính trị	Xã hội học
29	Nguyễn Thị Bích Thủy SN 1965, Trưởng khoa CSCB		Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	LL và PPDH bộ môn Tiếng Anh	Anh văn chuyên ngành
30	Trần Thị Thiên Hương SN 1979		Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Toán học, Giải tích toán	Toán cao cấp
31	Phan Thị Thanh Bình SN 1979, Trưởng bộ môn Pháp luật		Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Luật học, Luật kinh tế	Luật kinh tế
32	Trần Thị Thu Hà SN 1977, Phó trưởng bộ môn Pháp luật		Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	Luật học, Luật Kinh tế -	Luật đại cương
33	Trần Hà Lan SN 1979, Trưởng bộ môn Toán		Thạc sỹ, 2005, Việt Nam	Toán học, Hình học	Toán kinh tế
34	Nguy Văn Thùy SN 1976, Phó trưởng bộ môn Anh văn		Thạc sỹ, 2010, Việt Nam	Tiếng Anh	Anh văn 1
35	Cao Thị Phương Thảo SN 1980		Thạc sỹ, 2008, Việt Nam	Kỹ thuật, Công nghệ thông tin	Tin học đại cương
36	Trần Thị Diên SN 1980		Thạc sỹ, 2013, Việt Nam	Quản lý Hành chính công	Văn bản trong quản lý
37	Nguyễn Thị Lan Hương SN 1976		Thạc sỹ, 2012, Việt Nam	KHGD, LL&PPDH bộ môn	Anh văn 2
38	Bùi Thị Thanh SN 1980		Thạc sỹ, 2006, Việt Nam	Toán học, XS thống kê toán	Lý thuyết XS thống kê

39	Nguyễn Thị Hải Hậu SN 1979, Phó trưởng bộ môn GDTC		Thạc sỹ,2006, Việt Nam	GDH, Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
40	Hồ Chí Quý SN 1987		Đại học,2010, Việt Nam	Sư phạm Thể dục, GDQP	Giáo dục Quốc phòng
41	Phạm Thị Mai Hương, SN1979,Phụ trách khoa Tài chính- Ngân hàng		Thạc sỹ,2008 Việt Nam	Kinh tế, Tài chính Ngân hàng	Nghiệp vụ Ngân hàngTM
42	Đoàn Thị Thành Vinh SN 1983		Thạc sỹ,2010 Việt Nam	Kinh tế, Tài chính Ngân hàng	Thuế
43	Đinh Thị Thúy Hằng SN 1983		Thạc sỹ, 2012 Việt Nam	KD và QL, Tài chính Ngân hàng	Phân tích tài chính DN
44	Lê Thị Dung SN 1988		Thạc sỹ,2014 Việt Nam	Kinh tế bảo hiểm	Tài chính - Tiền tệ
45	Hoàng Thị Huyền SN 1984		Thạc sỹ,2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1
46	Lê Thùy Dung SN 1986		Thạc sỹ,2013 Việt Nam	KD và QL, Tài chính- Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 2
47	Nguyễn Thị Ngọc Liên SN 1987		Đại học,2009 Việt Nam	Kinh tế, Kinh tế đầu tư	Thị trường chứng khoán
48	Nguyễn Thị Thanh Thương SN 1988		Đại học,2010 Việt Nam	Kinh tế, Tài chính - Ngân hàng	Tài chính công

*Nghệ An, ngày..... tháng .... năm.....*

**Giám đốc**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo**

**Hiệu trưởng**

## 2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

### 2.1. Phòng học, giảng đường

Trường có 45 giảng đường được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như máy chiếu Projector, Loa, âm li... có diện tích bình quân trên 100m<sup>2</sup>/phòng. Ngoài ra còn có 02 phòng LAB học tiếng nước ngoài với 60 ca bin gồm máy tính và các phụ kiện kèm theo; 6 phòng thực hành máy tính với 180 máy kết nối mạng LAN. (chi tiết tại bảng 2)

**Bảng 2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

TT	Loại phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính	Số lượng	Diện tích(m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường, phòng học			Projector	30	Học tiếng nước ngoài
				Loa, âm li	10	
2	Phòng LAB học tiếng nước ngoài			Cabin nghe	60	
				Máy vi tính kết nối mạng LAN	60	
				Headphone	60	
				Đầu DVD	2	
				Đài cassette	6	
3	Phòng thực hành máy tính	6	640	Máy vi tính kết nối mạng LAN	180	Thực hành tin học, kế toán máy, tin học ứng dụng cho các ngành

Nghệ An, ngày..... tháng .... năm....

**Giám đốc**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo**

**Hiệu trưởng**

## 2.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo.

Có phòng đọc và nhiều tài liệu phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu như sách, giáo trình, bài giảng của các học phần đáp ứng theo yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo kế toán trình độ đại học, cụ thể:

### + Thư viện.

- Tổng số diện tích thư viện: 403,5m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 200 m<sup>2</sup>

- Số chỗ ngồi: 100

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 50 cái

- Phần mềm quản lý thư viện: 1

- Thư viện điện tử: có thư viện điện tử phục vụ tra cứu từ xa và đọc tài liệu nội bộ của trường, thư viện chưa được kết nối với cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; Số lượng đầu sách, tài liệu: 2.610 đầu sách với 21.500 bản sách; Báo và tạp chí: 62

+ **Giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo.** (Chi tiết tại bảng 3)

**Bảng 3: Danh mục giáo trình của ngành đào tạo**

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê Nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2013	200	Những NLCB MLN 1,2
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2013	200	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2013	200	Đường lối CMĐCS Việt Nam
4	Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	ĐHKT Quốc dân	2012	200	Pháp luật đại cương
5	Kỹ thuật Soạn thảo Văn bản Kinh tế và QTDN	Lương Văn Úc	ĐHKT Quốc dân	2013	200	Văn bản trong quản lý
6	New headway – Elementary	Liz & John Soars	ĐHQG Hà Nội	2003	200	Anh văn 1
7	New headway	Liz & John Soars	Đại học	2003	200	Anh văn

	– Pre-Intermediate		QG Hà Nội			2
8	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúc (CB)	ĐHKT Quốc dân	2012	200	Toán cao cấp
9	Tin học Đại cương	PGS TS Hàn Viết Thuận	ĐHKT Quốc dân	2010	200	Tin học đại cương
10	Lý thuyết XS và Thống kê toán	PGS.TS. Nguyễn Cao Văn (CB)	ĐHKT Quốc dân	2012	200	Lý thuyết XS và thống kê toán
11	GT Giáo dục quốc phòng (Tập 1, 2)	Đào Duy Hiệp (CB)	Giáo dục	2008	200	Giáo dục quốc phòng
12	Xã hội học	Lương Văn Úc	ĐHKT Quốc dân	2009	200	Xã hội học
13	Toán kinh tế	Trần Xuân Sinh	ĐHQG Hà Nội	2007	200	Toán kinh tế
14	Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS. TS. Trần Bình Trọng	ĐHKT Quốc dân	2013	200	LSHT kinh tế
15	Anh văn chuyên ngành	Nguyễn Thị Bích Thủy	Lưu hành nội bộ	2006	200	Anh văn chuyên ngành
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	PGS.TS Trần Thị Kim Thu	ĐHKT Quốc dân	2012	200	Lý thuyết thống kê
17	Tài chính tiền tệ	Phạm Ngọc Dũng; Đình Xuân Hạng	Tài chính	2011	200	LT Tài chính - Tiền tệ
18	GT Luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn (CB)	ĐHKT Quốc dân	2013	200	Pháp luật kinh tế
19	Nguyên lý kế toán	Dương Xuân Thao Ngô Thị Thanh Hoàn	Lưu hành nội bộ	2014	200	Nguyên lý kế toán
20	Thị trường chứng khoán	Bạch Đức Hiền	Tài chính	2009	200	Thị trường CK
21	Thống kê doanh nghiệp	GS.TS Phạm Ngọc Kiểm PGS.TS Nguyễn Công Nhự TS. Bùi Đức Triệu	Thống kê	2009	200	Thống kê doanh nghiệp
22	Thuế		Tài chính	2010	200	Thuế Nhà nước
23	Tài chính doanh nghiệp	Bùi Văn Vân	Tài chính	2013	200	Tài chính DN 1, 2

24	Kế toán tài chính 1	Dương Xuân Thao	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán tài chính 1,2,3
25	Kế toán tài chính 2	Ngô Thị Thanh Hoàn				
26	Kế toán tài chính 3	Trần Cẩm Vân				
27	Thực hành KTTC	Ngô Thị Thanh Hoàn Trần Cẩm Vân	Lưu hành nội bộ	2014	200	Thực hành KTTC
28	Kế toán quản trị	Hoàng Thị Hiền	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán quản trị
29	Kế toán trên máy	Trần Cẩm Vân Hoàng Thị Hiền Phạm Đức Giáp	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán trên máy
30	Phân tích tài chính	Ngô Thế Chi Nguyễn Trọng Cơ	Tài chính	2010	200	Phân tích Tài chính doanh nghiệp
31	Phân tích hoạt động kinh doanh	GS.TS Nguyễn Văn Công	ĐHKT Quốc dân	2013	200	Phân tích hoạt động KD
32	Lý thuyết kiểm toán	TS. Nguyễn Viết Lợi Ths Đậu Ngọc Châu	Tài chính	2013	200	Lý thuyết kiểm toán
33	Kiểm toán báo cáo tài chính	TS. Nguyễn Viết Lợi Ths Đậu Ngọc Châu	Tài chính	2013	200	Kiểm toán BCTC
34	Kế toán công	Ngô Thị Thanh Hoàn Lê Thị Yến	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán công
35	Quản lý Tài chính công	Phạm Văn Khoan	Tài chính	2010	200	Tài chính công
36	Kế toán ngân hàng thương mại	Ngô Thị Thanh Hoàn Phan Thanh Hà	Lưu hành nội bộ	2014	200	Kế toán ngân hàng thương mại
37	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Phạm Mai Hương	Lưu hành nội bộ	2014	200	Nghiệp vụ NHTM
38	Văn hóa doanh nghiệp	Dương Thị Liễu	ĐHKT Quốc dân	2013	200	Văn hoá kinh doanh

39	Kinh tế vi mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2011	200	Kinh tế vi mô
40	Kinh tế vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dần	Tài chính	2010	200	Kinh tế vĩ mô
41	Quản trị đại cương	Trần Anh Tài	ĐHQG Hà Nội	2013	200	Quản trị học đại cương
42	Kinh tế phát triển	PGS.TS Phạm Ngọc Linh	ĐHKT Quốc dân	2005	200	Kinh tế phát triển

43	Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	ĐHKT Quốc dân	2013	200	Marketing căn bản
44	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	TS Trần Văn Hòe	ĐHKT Quốc dân	2009	200	Nghiệp vụ kinh doanh XNK
45	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Đông Nguyễn Thị Minh	ĐHKT Quốc dân	2011	200	Kinh tế lượng

Nghệ An, ngày..... tháng .... năm....

**Giám đốc**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo**

**Hiệu trưởng**

**+ Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo**

*(Chi tiết tại bảng 4)*

**Bảng 4: Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo**

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình Lý thuyết hạch toán kế toán	PGS.TS Nguyễn Thị Đông	Tài chính - 2007	1	Nguyên lý kế toán
2	Luật Kế toán	Bộ Tài Chính	Chính trị quốc gia -2004	1	

3	Chế độ kế toán DN Ban hành theo Quyết định số 15/006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006	Bộ Tài chính	Tài chính - 2006	5	Kế toán tài chính 1,2,3
4	Giáo trình Kế toán Tài chính	GS.TS. NGND Ngô Thế Chi PGS.TS Trương Thị Thủy	Tài chính - 2013	5	Kế toán tài chính 1,2,3
5	Kế toán Tài chính	TS Phan Đức Dũng	Thống kê - 2009	1	
6	Giáo trình Kế toán Tài chính trong các DN	GS.TS Đặng Thị Loan	ĐHKQTĐ - 2013	1	
7	Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong DN	TS Lưu Đức Tuyên TS Ngô Thị Thu Hồng	Tài chính - 2011	5	Kế toán tài chính 1
8	Giáo trình Kế toán hoạt động nghiệp vụ thuế XK, thuế NK trong cơ quan Hải quan	TS Lê Xuân Trường	Tài chính - 2011	5	Kế toán tài chính 3
9	Giáo trình Kế toán DNXL	TS Nguyễn Vũ Việt Ths Nguyễn Thị Hòa	Tài chính - 2010	5	Kế toán tài chính 2
10	Thực hành kế toán tài chính doanh nghiệp	TS. Trương Thị Thủy Ths. Nguyễn Thị Hòa Ths. Bùi Thị Thu Hương	Tài chính - 2007	1	Thực hành kế toán tài chính
11	Giáo trình Kế toán quản trị	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	ĐHKQTĐ - 2012	1	Kế toán quản trị
12	Kế toán quản trị	TS Đoàn Ngọc Quế TS Lê Đình Trục Ths Đào Tất Thắng	KT TP. HCM 2013	1	
13	Kế toán quản trị	PGS.TS Vương Đình Huệ TS Đoàn Xuân Tiên	Tài chính - 2002	1	
14	Lý thuyết và thực hành KTQT	Ths Dương Nhạc Ths Dương Thị Thu Hiền	Tài chính - 2008	1	
15	Thông tư số 53/TT – BTC ngày 12/6/2006 Hướng dẫn áp dụng Kế toán quản trị trong doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Công báo	1	
16	Giáo trình Kế toán máy	Đoàn Xuân Tiên ThS Nguyễn Vũ Việt	Tài chính - 2005	5	Kế toán máy

17	Giáo trình Kế toán máy	TS Trần Thị Song Minh	ĐHKQTĐ - 2012	1	
18	Phần mềm kế toán doanh nghiệp ACMAN	Phạm Hồng Sơn và Trần Đình Nguyên,	Lao động.	1	Kế toán máy
19	Giáo trình Tổ chức quá trình Kiểm toán Báo cáo tài chính	PGS.TS Thịnh Văn Vinh PGS.TS Giang Thị Xuyên	Tài chính - 2012	5	Kiểm toán BCTC
20	Giáo trình Kiểm toán tài chính	GS.TS Nguyễn Quang Quynh PGS.TS Ngô Trí Tuệ	ĐHKQTĐ - 2012	1	* Kiểm toán BCTC * Lý thuyết kiểm toán
21	Nghiệp vụ Kiểm toán	PGS.TS Nguyễn Đình Hựu	Tài chính - 2004	1	
22	Chế độ kế toán HCSN Ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ - BTC	Bộ Tài chính	Tài chính - 2006	5	
23	Thông tư số 185/TT- BTC ngày 15/11/2010	Bộ Tài chính	Công báo	5	
24	Giáo trình Kế toán HCSN	PGS.TS Phạm Văn Liên	Tài chính - 2013	5	Kế toán công
25	Câu hỏi - Bài tập và thực hành môn Kế toán HCSN	Ths Ngô Thanh Hoàng	Tài chính - 2013	5	
26	Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã	Bộ Tài chính	Tài chính - 2005	1	
27	Giáo trình Quản lý tài chính xã	PGS.TS Đặng Văn Du, TS Hoàng Thị Thúy Nguyệt	Tài chính - 2012	5	
28	Giáo trình Kế toán ngân hàng thương mại	PGS.TS Hà Minh Sơn	Tài chính - 2010	5	Kế toán ngân hàng thương mại
		ThS Nguyễn Văn Lộc			
		TS Nguyễn Thị Loan	Thống kê - 2009	1	
		TS Lâm Thị Hồng Hoa			
29	Câu hỏi và bài tập Kế toán NHTM	PGS.TS Hà Minh Sơn	Tài chính - 2012	5	
30	Giáo trình Kế toán ngân hàng	Học viện ngân hàng	Thống kê - 2005	1	Kế toán NHTM

31	Giáo trình Thuế (Dùng cho không chuyên ngành)	Nguyễn Thị Liên Nguyễn Văn Hiệu	Tài chính - 2009	5	Thuế Nhà nước
32	GT Lý thuyết Thuế	Đỗ Đức Minh Nguyễn Việt Cường	Tài chính - 2010	5	
33	Thị trường chứng khoán và Đầu tư chứng khoán	Trần Văn Khâm	Thống kê - 2010	5	Thị trường chứng khoán
34	Kinh tế và Tài chính công	Vũ Cương	Thống kê - 2002	5	Tài chính công
35	Phân tích và dự báo	PGS.TS Phạm Thị Kim Vân	Tài chính - 2013	5	Phân tích HĐKD

*Nghệ An, ngày..... tháng .... năm....*

**Giám đốc**  
**Sở Giáo dục và Đào tạo**

**Hiệu trưởng**

### **3. Hoạt động nghiên cứu khoa học.**

Hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và sinh viên nhà trường tập trung vào lĩnh vực nghiên cứu các đề tài đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế, tài chính tại địa phương và các đề tài cấp trường của khối Nông Lâm Ngư (Khoa học cây trồng, chăn nuôi – Thú y, Lâm nghiệp, thủy lợi,... Từ năm 2000 đến nay, trường đã chủ trì 03 đề tài cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, đề xuất các cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý kế toán xã, để huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng, cho phát triển kinh tế nông thôn của tỉnh Nghệ An.

Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, Hội đồng khoa học đã tiến hành thẩm định nhiều Sáng kiến kinh nghiệm phục vụ cho việc dạy và học.

Công tác biên soạn giáo trình, bài giảng liên tục được triển khai, đã thẩm định được hơn 50 đầu sách phục vụ cho việc dạy và học (trong đó Khoa Nông Lâm Ngư đã hoàn thiện được 36 loại giáo trình dùng cho hệ Cao đẳng và Trung cấp). Từ năm 2009 đến nay, Nhà trường đã xuất bản được 7 Tập san “Thông tin Khoa học Kỹ thuật”, đây là nơi để cho giảng viên công bố các công trình khoa học, trao đổi kinh nghiệm và các thông tin về chuyên môn.

### **4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.**

Trường đã có quan hệ tốt với các tổ chức nước ngoài trong việc đào tạo phát triển các kỹ năng cho giảng viên và sinh viên, đặc biệt là kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghe nói tiếng Anh giáo tiếp do tổ chức WUSC (Tổ chức hỗ trợ Đào tạo Đại học Thế giới Canada), do các chuyên gia và tình nguyện viên của Canada giảng dạy.

Ngoài ra, Trường còn hợp tác với trường Nông nghiệp của Tỉnh Bulikhawmxay (Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào) trong việc đào tạo giúp nước bạn các sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau (khoa học cây trồng, chăn nuôi thú y, kế toán, tài chính,..v.v...).

Đặc biệt, Nhà trường còn hợp tác với Trung tâm nghiên cứu Sa mạc Ramat Negev của Israel trong việc hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc tại nước ngoài, các em được nâng cao tay nghề và phát huy được những kiến thức đã được học trong quá trình đào tạo.

## Phần 3

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<b>Tên chương trình:</b>	<b>Cử nhân Kế toán</b>
<b>Trình độ đào tạo:</b>	<b>Đại học</b>
<b>Ngành đào tạo:</b>	<b>Kế toán</b>
<b>Mã ngành:</b>	<b>52340301</b>
<b>Loại hình đào tạo:</b>	<b>Chính quy</b>

#### **1. Mục tiêu đào tạo**

##### **1.1. Mục tiêu chung.**

Đào tạo kế toán viên trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức và năng lực thực hành nghề kế toán tương ứng với trình độ Đại học; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

##### **1.2. Mục tiêu cụ thể.**

###### **1.2.1. Về kiến thức.**

\* Trình bày và vận dụng được những kiến thức khoa học của Chủ nghĩa Mác Lê Nin, đạo đức tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề phát sinh.

\* Trình bày và vận dụng các kiến thức toán, tin học, ngoại ngữ và kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành và của ngành vào việc điều hành quản lý và giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh. Thích ứng và biết kinh doanh có hiệu quả trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

\* Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán, phân tích tài chính, phân tích hoạt động SXKD để giải quyết các công việc thuộc về chuyên môn kế toán, kiểm toán.

###### **1.2.2. Về kỹ năng.**

\* Có kỹ năng thực hành về nghiệp vụ kế toán, có đủ khả năng giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn kế toán và tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp.

\* Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

\* Sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán, Microsoft Office(Word, Excel).

###### **1.2.3. Về phẩm chất đạo đức.**

Có phẩm chất cá nhân tự tin, trung thực, đánh giá khách quan và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tỉ mỉ, thận trọng, tuân thủ pháp luật.

#### 1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp.

Sinh viên Đại học ngành Kế toán, chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp của Trường Đại học kinh tế Nghệ An khi tốt nghiệp ra trường, có thể đảm nhận các công việc ở bộ phận kế toán, tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân; Có khả năng làm việc tại các công ty kiểm toán; làm giảng viên giảng dạy các môn học có liên quan đến kế toán, kiểm toán ở các trường trung cấp, cao đẳng, đại học trong cả nước; Có khả năng làm việc tại các Công ty cung cấp dịch vụ tư vấn về thuế, tài chính, kế toán.

#### 2. Thời gian đào tạo

Tổng thời gian đào tạo là 4 năm (tương đương 208 tuần) theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa học (Tín chỉ):** 135 tín chỉ (Chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Trong đó:

- \* Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ
- \* Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 91 tín chỉ
  - Kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành và của ngành: 40 tín chỉ
  - Kiến thức ngành (kể cả kiến thức chuyên sâu): 51 tín chỉ
- \* Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ

#### 4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông theo Quy chế tuyển sinh vào các Trường ĐH, CĐ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và các văn bản hiện hành.

#### 6. Thang điểm:

Theo quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

#### 7. Nội dung chương trình (theo tín chỉ)

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Trong đó	
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập
7.1	<b>Kiến thức Giáo dục đại cương</b>	<b>34</b>	<b>23</b>	<b>11</b>
7.1.1	<b>Lý luận chính trị</b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>4</b>
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác –	2	1	1

	Lênin 1				
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	2	1	
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	
4	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	2	1	
<b>7.1.2</b>	<b><i>Khoa học xã hội</i></b>	<b>8</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	
5	Pháp luật đại cương	2	1	1	
6	Văn bản trong quản lý	2	1	1	
7	Văn hóa kinh doanh	2	1	1	
8	Xã hội học	Tự chọn 2/4	2	2	-
9	Kinh tế lượng		2	2	-
<b>7.1.3</b>	<b><i>Ngoại ngữ</i></b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>2</b>	
10	Anh văn 1	3	2	1	
11	Anh văn 2	4	3	1	
<b>7.1.4</b>	<b><i>Toán, tin, khoa học tự nhiên</i></b>	<b>9</b>	<b>7</b>	<b>2</b>	
12	Toán cao cấp	3	2,5	0,5	
13	Tin học đại cương	3	2	1	
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2,5	0,5	
<b>7.1.5</b>	<b><i>Giáo dục thể chất</i></b>	<b>3</b>	<b>0,6</b>	<b>2,4</b>	
<b>7.1.6</b>	<b><i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i></b>	<b>8</b>	<b>7</b>	<b>1</b>	
<b>7.2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>101</b>	<b>56,5</b>	<b>44,5</b>	
<b>7.2.1</b>	<b><i>Kiến thức cơ sở</i></b>	<b>40</b>	<b>26,5</b>	<b>13,5</b>	
<b>7.2.1.1</b>	<b><i>Thuộc khối ngành</i></b>	<b>19</b>	<b>13,5</b>	<b>5,5</b>	
15	Kinh tế vi mô	3	2	1	
16	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	
17	Toán kinh tế	3	2,5	0,5	
18	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	1	1	
19	Anh văn chuyên ngành	4	3	1	
20	Quản trị đại cương	2	1	1	
21	Kinh tế phát triển	2	2	-	
<b>7.2.1.2</b>	<b><i>Thuộc nhóm ngành</i></b>	<b>10</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	
22	Lý thuyết thống kê	2	1	1	
23	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3	2	1	
24	Marketing căn bản	3	2	1	
25	Pháp luật kinh tế	2	1	1	
<b>7.2.1.3</b>	<b><i>Thuộc ngành</i></b>	<b>11</b>	<b>7</b>	<b>4</b>	
26	Nguyên lý kế toán	4	3	1	

27	Thị trường chứng khoán	3	2	1
28	Thống kê doanh nghiệp	2	1	1
29	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	2	1	1
<b>7.2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>21</b>
7.2.2.1	Kiến thức chung	49	29	20
30	Thuế Nhà nước	3	2	1
31	Tài chính doanh nghiệp I	3	2	1
32	Tài chính doanh nghiệp II	2	1	1
33	Kế toán tài chính 1	4	3	1
34	Kế toán tài chính 2	4	3	1
35	Kế toán tài chính 3	4	3	1
36	Thực hành kế toán tài chính	4	1	3
37	Kế toán quản trị	3	2	1
38	Kế toán máy	3	1	2
39	Phân tích tài chính	3	2	1
40	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	2	1
41	Lý thuyết kiểm toán	3	2	1
42	Kiểm toán báo cáo tài chính	4	3	1
43	Tài chính công	2	1	1
44	Kế toán công	4	3	1
7.2.2.2	Kiến thức chuyên sâu (Tự chọn)	2/4	1	1
45	Kế toán ngân hàng thương mại	2	1	1
46	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2	1	1
<b>7.2.3</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận</b>	<b>10</b>		<b>10</b>
7.2.3.1	Thực tập tốt nghiệp	5		5
7.2.3.2	Khóa luận hoặc Thi tốt nghiệp	5		5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>	<b>79,5</b>	<b>55,5</b>

## 8. Dự kiến học tập các học phần trong kỳ của toàn khóa học

### 8.1. Học kỳ 1

T	TÊN HỌC PHẦN	TC	Số tiết		
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	15	30	45
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	30	30	60

3	Văn bản trong quản lý	2	15	30	45	
4	Anh văn 1	3	30	30	60	
5	Toán cao cấp	3	40	20	60	
6	Xã hội học	Tự chọn 2/4	2	30	-	30
7	Kinh tế lượng		2	30	-	30
<b>Cộng</b>		<b>15</b>	<b>160</b>	<b>140</b>	<b>300</b>	

### 8.2. Học kỳ 2

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết		
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	30	45
2	Anh văn 2	4	45	30	75
3	Tin học đại cương	3	30	30	60
4	Kinh tế vi mô	3	30	30	60
5	Toán kinh tế	3	40	20	60
6	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	15	30	45
7	Kinh tế phát triển	2	30		30
<b>Cộng</b>		<b>19</b>	<b>205</b>	<b>170</b>	<b>375</b>

### 8.3. Học kỳ 3

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết		
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng
1	Pháp luật đại cương	2	15	30	45
2	Văn hóa doanh nghiệp	2	15	30	45
3	Kinh tế vĩ mô	3	30	30	60
4	Nguyên lý thống kê	2	15	30	45
5	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3	30	30	60
6	Nghiệp vụ kinh doanh XNK	2	15	30	45
7	Tài chính doanh nghiệp I	3	30	30	60
<b>Cộng</b>		<b>17</b>	<b>150</b>	<b>210</b>	<b>360</b>

### 8.4. Học kỳ 4

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết		
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng
1	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	30	30	60
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	40	20	60
3	Pháp luật kinh tế	2	15	30	45

4	Nguyên lý kế toán	4	45	30	75
5	Thông kê doanh nghiệp	2	15	30	45
6	Kế toán tài chính 1	4	45	30	75
	<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>190</b>	<b>170</b>	<b>360</b>

#### 8.5. Học kỳ 5

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết		
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng
1	Quản trị đại cương	2	15	30	45
2	Marketing căn bản	3	30	30	60
3	Thuế Nhà nước	3	30	30	60
4	Tài chính doanh nghiệp II	2	15	30	45
5	Kế toán tài chính 2	4	45	30	75
6	Kế toán tài chính 3	4	45	30	30
	<b>Cộng</b>	<b>18</b>	<b>180</b>	<b>180</b>	<b>360</b>

#### 8.6. Học kỳ 6

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết		
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng
1	Anh văn chuyên ngành	4	45	30	75
2	Thị trường chứng khoán	3	30	30	60
3	Thực hành kế toán tài chính	4	15	90	105
4	Kế toán máy	3	15	60	75
5	Phân tích tài chính	3	30	30	60
	<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>135</b>	<b>240</b>	<b>375</b>

#### 8.7. Học kỳ 7

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết			
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng	
1	Kế toán quản trị	3	30	30	60	
2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	30	60	
3	Lý thuyết kiểm toán	3	30	30	60	
4	Kiểm toán báo cáo tài chính	4	45	30	75	
5	Tài chính công	2	15	30	45	
6	Kế toán N.hàng thương mại	Tự chọn 2/4	2	15	30	45
7	Nghiệp vụ N.hàng thương mại		2	15	30	45
	<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>165</b>	<b>180</b>	<b>345</b>	

### 8.8. Học kỳ 8

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Số tiết		
			Lý thuyết	Thảo luận, bài tập	Cộng
1	Kế toán công	4	45	30	75
2	Thực tập TN và làm khóa luận	10		300	300
	<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>45</b>	<b>330</b>	<b>375</b>

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

+ Chương trình đào tạo cử nhân kế toán hệ chính quy ứng với trình độ Đại học do Trường Đại học Kinh tế Nghệ An xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Chương trình đào tạo cử nhân kế toán là những qui định của nhà trường về cơ cấu, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành đào tạo kế toán ứng với trình độ đào tạo bậc đại học, do đó là cơ sở giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

- Chương trình đào tạo cử nhân kế toán trình độ Đại học ngành Kế toán được thiết kế thuận lợi cho việc phát triển các chương trình đào tạo theo mô hình đơn ngành. Danh mục các học phần và khối lượng tín chỉ trình bày tại mục 7 chỉ là những quy định tối thiểu. Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, trong quá trình thực hiện, cứ 2 năm/1 lần Trường Đại học Kinh tế Nghệ An sẽ điều chỉnh, bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng chương trình đào tạo cụ thể trong phạm vi không dưới 120 tín chỉ ( Chưa kể các nội dung về GDQP, GDTC).

- Phần kiến thức chuyên ngành thuộc ngành Kế toán được thiết kế theo từng lĩnh vực chuyên ngành hẹp của ngành Kế toán như: Kế toán doanh nghiệp, Kế toán công, Kế toán NSNN, .... Sự khác biệt về nội dung đào tạo giữa các chuyên ngành nằm trong giới hạn 20% kiến thức chung của ngành.

- Phần kiến thức bổ trợ ( nếu có) có thể được trường thiết kế theo hướng bố trí các nội dung được lựa chọn tự do, liên quan tới một hoặc nhiều ngành đào tạo khác với ngành Kế toán nhưng xét thấy có lợi cho việc mở rộng năng lực hoạt động của sinh viên sau tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng nhà trường, ký quyết định ban hành chương trình đào tạo cử nhân ngành Kế toán trình độ Đại học để triển khai thực hiện trong phạm vi của trường.

### 10. Dự kiến mức thu học phí

Học phí thu theo quy định của UBND Tỉnh Nghệ An áp dụng cho các trường công lập.

**HIỆU TRƯỞNG**

## **Phụ lục**

### **CÁC TÀI LIỆU VÀ MINH CHỨNG**

1. Biên bản thông qua hồ sơ của Hội đồng khoa học và đào tạo
2. Biên bản kiểm tra thực tế về các điều kiện đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện
3. Biên bản của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
4. Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì mở mã ngành
5. Các văn bằng, chứng chỉ của đội ngũ giảng viên